

Những Lời Khai Thị Trí Huệ Trong Kinh Kim Cang

Chủ Đề 171: Trì Giới Là Nền Tảng Của Việc Học Phật, Bao Gồm Hai Loại Là Chỉ Và Tác. “Chỉ Trì” Tức Là Các Việc Ác Chớ Làm; “Tác Trì” Tức Là Các Việc Thiện Vâng Làm. Giới Sát Sanh Phần Nhiều Để Trị Bệnh Sân; Giới Trộm Cắp Phần Nhiều Trị Bệnh Tham; Giới Tà Dâm Phần Nhiều Trị Bệnh Tham Và Si; Giới Vọng Ngữ Cũng Phần Nhiều Trị Bệnh Tham Và Si; Giới Uống Rượu Thì Trị Cả Ba Độc Tham, Sân, Si Vạy. Lúc Mới Bắt Đầu Trì Giới, Trọng Ở Chỗ Sự Tướng Không Phạm. Nhưng Nếu Là Bồ Tát, Thì Khởi Tâm Động Niệm Đã Là Phạm Giới

Chủ giảng: Pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Tháng 05 năm 1995

Địa điểm: Cư Sĩ Lâm Phật Giáo Singapore

Trích lục từ: Báo cáo nghiên cứu Kim Cang Bát Nhã (Tập 012)

Chuyên ngữ: Tịch Minh



Chúng ta tiếp tục giải thích kinh văn: **“Bồ Tát ư pháp, ưng vô sở trụ, hành ư bố thí”** (Bồ Tát đối với pháp, nên không có chỗ trụ, mà hành việc bố thí).

Phần trước đã báo cáo với quý vị, bố thí bao trùm tất cả các pháp, cho nên ý nghĩa của nó sâu rộng vô hạn. Bố thí có ba loại, như trước đã nói, trì giới thuộc về Vô úy bố thí. Mà trì giới thực sự là nền tảng của việc học Phật, đây là điều chúng ta bắt buộc phải coi trọng.

Người thời nay học Phật đông hơn người xưa, cơ duyên học Phật của người thời nay cũng thuận tiện hơn người xưa, nhưng tại sao thành tựu lại không bằng người xưa? Thật ra là do người hiện đại đã lơ là giới luật. Bộ kinh này [Kinh Kim Cang] được Đức Thế Tôn khởi xướng từ việc trì giới: đắp y mang bát, vào thành lớn Xá Vệ khát thực, đó đều là trì giới. Điều này bảo cho chúng ta biết rằng, nếu không nỗ lực thực hành ngay trên giới hạnh, thì Phật pháp dù lý luận có hay đến đâu cũng đều trở nên sáo rỗng.

Đó chính là lý do vì sao tại đây, Đức Thế Tôn đặc biệt nhấn mạnh phải **“hành ư bố thí”**. Quý vị nghe câu này, phải hiểu được hàm ý bên trong, không phải chỉ có mỗi bố thí, mà cả Lục độ [sáu pháp Ba-la-mật] đều phải **“hành”** mà không được **“trụ”**. Trụ tức là không hành, không hành là không được; nhất định

phải hành, phải làm bố thí, phải trì giới, phải nhẫn nhục, phải tinh tấn, phải thiền định, tất cả đều phải nỗ lực thực sự mà làm.

Khi tôi mới sơ học Phật, cũng phạm phải căn bệnh chung của giới trí thức. Giới trí thức rất ngưỡng mộ Phật học, thấy lý luận Phật pháp nói rất cao siêu, nói rất viên mãn, nên việc nghiên cứu đọc tụng đều rất hứng thú, nhưng đối với giới luật thì lại lơ là. Họ cho rằng thời đại đã khác rồi, hà tất phải giữ những giới điều kia? Nhất là người có đọc sách, chỉ cần tiếp xúc một chút với khoa học hiện đại, họ nhất định sẽ nghĩ rằng: Thích Ca Mâu Ni Phật là người của ba ngàn năm trước, những giới luật được đặt ra từ ba ngàn năm trước, bây giờ làm sao mà áp dụng cho được? Luật pháp quốc gia, ngay cả Hiến pháp, qua vài năm còn phải tu chỉnh một lần, giới luật của Phật ba ngàn năm rồi chưa từng sửa đổi, cái này làm sao mà dùng tốt được?

Đồng thời họ lại liên tưởng rằng Ngài là người Ấn Độ, chúng ta là người Trung Quốc, ý thức hệ của chúng ta không giống nhau, phương thức sinh hoạt của chúng ta cũng chẳng giống nhau, những giới điều đó hiện nay làm sao mà thông dụng? Tự nhiên đối với giới luật họ không còn hứng thú. Đó là căn bệnh chung! Bậc thiện trí thức, người thầy thực sự giỏi cũng biết rõ, những suy nghĩ, cách nhìn, cách làm của giới trẻ hiện nay, các Ngài rõ như ban ngày. Đẳng nào thì những việc này có khuyên anh cũng vô dụng, anh cũng sẽ không chấp nhận, nói nhiều thì anh còn chán ghét, còn sanh tâm phản cảm, nên dứt khoát không nói nữa. Nhưng thật sự không nói thì lại có lỗi với học trò.

Trong ba năm đầu tiên tôi mới học Phật, thân cận Đại sư Chương Gia, mỗi tuần tôi gặp Ngài một lần, khoảng chừng một đến hai tiếng đồng hồ. Trong suốt ba năm đó, Lão nhân gia có những lúc nói một cách nhẹ nhàng, thoáng qua nhưng đầy ẩn ý: **“Giới luật rất quan trọng!”**

Sau khi Ngài viên tịch, tôi ngẫm nghĩ lại xem mình đã học được những gì trong ba năm theo Ngài, thì ấn tượng về câu nói này là sâu sắc nhất. Bởi vì ít nhất tôi đã nghe không dưới ba, bốn mươi lần. Lần nào Ngài cũng không nói dài dòng, chỉ đúng một câu: “Giới luật rất quan trọng”.

Lần đầu tiên khi Ngài giảng, Ngài giảng tương đối chi tiết. Ngài dùng một ví dụ: “Ví như chúng ta đi tàu hỏa từ Đài Bắc xuống Cao Hùng. Muốn đi tàu thì trước tiên phải mua vé. Trì giới cũng giống như anh cầm tấm vé này trên tay vậy. Anh cầm vé mới có thể lên tàu, đi đường vẫn phải cầm, trên tàu người ta còn soát vé, tuyệt đối không được làm mất, đến trạm rồi còn phải thu hồi lại”.

Giới luật cũng giống như vậy, phải giữ từ đầu đến cuối. Điều này nói lên rằng trì giới vô cùng quan trọng, cực kỳ quan trọng, tuyệt đối không thể lơ là.

Do đó, chúng tôi mới khẳng định lại, nhận thức lại đối với giới luật. Thật ra, trong các kinh điển Đại thừa và Tiểu thừa, Đức Thế Tôn đều đã nói: “Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ”. Cái chúng ta cần là Định và Huệ, mà giới hạnh là nền tảng của Định Huệ, không có cái nền tảng này thì Định Huệ quyết không thể thành tựu. Điều này cũng giải thích vì sao người thời nay học Phật không bằng người xưa, nguyên nhân chính là ở chỗ này.

Giới luật có hai phương thức là “Chỉ” và “Tác”.

- **“Chỉ” (Chỉ trì):** Là cấm chỉ, quyết định không được làm, làm thì là phá giới.
- **“Tác” (Tác trì):** Là việc anh nhất định phải làm, anh không làm tức là phạm giới.

Có hai loại Chỉ trì và Tác trì như vậy. Những ví dụ được nêu ra ở đây đều là “Chỉ trì”, giống như Ngũ giới, Thập giới đều thuộc về Chỉ trì, là những điều quyết định phải cấm chỉ. Tinh thần của nó chúng ta phải ghi nhớ: “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*” (Các việc ác chớ làm, các việc thiện vâng làm). “Chỉ” là các việc ác chớ làm, “Hành” là các việc thiện vâng làm. Phạm những gì có lợi ích cho chúng sanh thì nhất định phải làm, không làm thì phạm giới. Điều này trong giới luật Đại thừa và Tiểu thừa đều có ví dụ.

Ngày nay chúng ta đọc giới bốn, trên giới bốn chỉ là nêu ví dụ mà thôi. Các điều giới có cần thiết phải tu chỉnh không? Có! Đây là sự thật, không phải giả. Ngoại trừ các “Căn bản giới” (Giới gốc) ra, đó là những giới vượt ngoài thời gian, vượt ngoài không gian, những giới đó không cần tu chỉnh. Ví dụ như: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu; năm giới này vượt thời gian và không gian. Ba ngàn năm trước làm như vậy là đúng, ba ngàn năm sau của ngày hôm nay vẫn không thể thay đổi, đây gọi là Căn bản đại giới.

Ngoài Căn bản đại giới ra, phần nhiều trong giới luật là các quy phạm sinh hoạt. Quy phạm sinh hoạt thì đương nhiên tùy theo thời, theo nơi mà có sự khác biệt. Cho nên sau khi giới luật truyền đến Trung Quốc, các bậc Tổ sư đại đức của Trung Quốc chúng ta, như Đại sư Bách Trượng thời nhà Đường; chúng ta biết đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc là “Tùng lâm”, ở Ấn Độ không có. Tùng

lâm tương đương với trường Đại học Phật giáo, chính thức mở đại học, mở trường học. Trường học đương nhiên phải có chế độ của trường học, có quy củ của trường học. Đại sư Bách Trượng đã chế định ra “Thanh quy”.

Thanh quy chính là sự hiện đại hóa, bản địa hóa của giới luật. Nương theo tình hình sinh hoạt của nhân dân đất nước mình, lấy tinh thần của Phật giáo, tức là đem các điều văn giới luật tu chỉnh lại, cái này gọi là Thanh quy. Thanh quy là giới luật được bản địa hóa, hiện đại hóa. Chúng ta nói “hiện đại”, “bản địa” là nói vào thời nhà Đường, từ thời Đường đến nay đã một ngàn ba trăm năm. Trong một ngàn ba trăm năm này, ở Trung Quốc hầu như mỗi một tỉnh thành, mỗi một Tùng lâm đều có Thanh quy riêng của mình. Những Thanh quy này đều nương theo bản của Đại sư Bách Trượng làm căn bản, đó là “Mẫu pháp” (pháp mẹ), là pháp căn bản; nương theo đó mà châm chước tình hình để tu chỉnh, cốt làm sao cho phù hợp với đại chúng cùng nhau huân tu tại nơi đó, vào lúc đó. Cho nên mỗi một ngôi chùa đều có quy củ của ngôi chùa đó, đều có bản “Thường trụ công ước”, như vậy là đúng, như vậy là chính xác.

Ở đây nêu ra vài ví dụ, chúng ta nhất định phải từ trong ví dụ mà phản tỉnh, mà tư duy, hiểu rõ dụng ý của nó, sau đó mới biết trong cuộc sống hằng ngày chúng ta cần phải làm như thế nào.

Giới sát: Tại sao Phật lại chế định giới này? Đương nhiên nhân duyên chế định giới này rất nhiều, quý vị xem “*Sa Di Luật Nghi Tăng Chú*” sẽ biết, trong đó viết rất chi tiết. Nhưng trọng điểm của nó là để đối trị lòng Sân hận. Cũng như trước đã nói, bệnh căn của phạm phu là ba độc phiền não Tham - Sân - Si. Ba độc không trừ thì không có cách nào thoát khỏi luân hồi lục đạo, không ra khỏi luân hồi thì vô cùng khổ sở! Giới sát là để đối trị Sân hận, nuôi dưỡng tâm Từ bi, mục đích là ở chỗ này.

Giới đạo (trộm cắp): Là để đối trị bòn xén và tham lam, đặc biệt là đối trị tham dục.

Giới dâm: Trong đó vừa có Tham lại vừa có Ngu si, là để đối trị cái này.

Nói cách khác, năm giới căn bản này của Phật chính là năm thang thuốc để trị ba độc phiền não của chúng ta.

Giới vọng ngữ: Vọng ngữ cũng có Tham và Si.

Giới uống rượu: Đó là cả ba độc Tham, Sân, Si đều có đủ.

Có thể thấy mỗi một giới điều đều có đối tượng trị liệu của nó.

Khi mới bắt đầu trì giới, chúng ta học Phật nhập môn chú trọng ở việc “Sự tướng không phạm”, tức là trì giới trên Sự, đây thuộc về Tiểu thừa giới. Tiểu thừa giới luận Sự không luận Tâm, kết tội hoàn toàn dựa trên Sự tướng để phán đoán.

Đại thừa so với Tiểu thừa thì cao hơn quá nhiều. Bồ Tát Đại thừa luận Tâm không luận Sự. Bồ Tát Đại thừa trì giới ngay trong khoảng khởi tâm động niệm. Ngài nhìn thấy một chúng sinh, không ưa thích bèn muốn giết nó, vừa động niệm muốn giết, tuy chưa giết, nhưng Ngài đã phá giới rồi. Còn người Tiểu thừa, A La Hán Tiểu thừa phát cái tâm hung ác muốn giết, nhưng chưa giết thì không phá giới, họ luận trên Sự. Giống như luật pháp ngày nay phán hình sự vậy, nó luận trên Sự, không luận Tâm, trong lòng anh nghĩ thế nào thì không có tội. Bồ Tát Đại thừa khởi tâm động niệm là kết tội.

Do đó có thể biết, giới Đại thừa khó trì, giới Tiểu thừa dễ trì. Đại thừa cao hơn Tiểu thừa, từ việc trì giới cũng có thể nhìn ra được.

Còn về trong “Tác trì” thì cũng rất nhiều, vô cùng nhiều. Ví dụ Phật dạy chúng ta phải tu Lục độ vạn hạnh, Lục độ vạn hạnh anh phải làm thật, anh không làm là anh phạm rồi. Dạy anh bố thí, anh không chịu bố thí, anh đã phạm giới rồi. Đây là điều nhất định phải biết. Tại vì sao? Vì làm vậy đối với bản thân, đối với chúng sinh đều có lợi ích rất lớn.